



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 28/06/2024	12,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.3%	4.3%	86.6%

DT thuần Q2/24
62.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.5 -47.1%
YoY: ▼13.5 -17.8%

LN thuần Q2/24
13.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -44.8%
YoY: ▼4.00 -22.8%

LN sau thuế Q2/24
9.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.2 -53.7%
YoY: ▼7.22 -42.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
22.6%
YoY: +/-▲ 1.1%

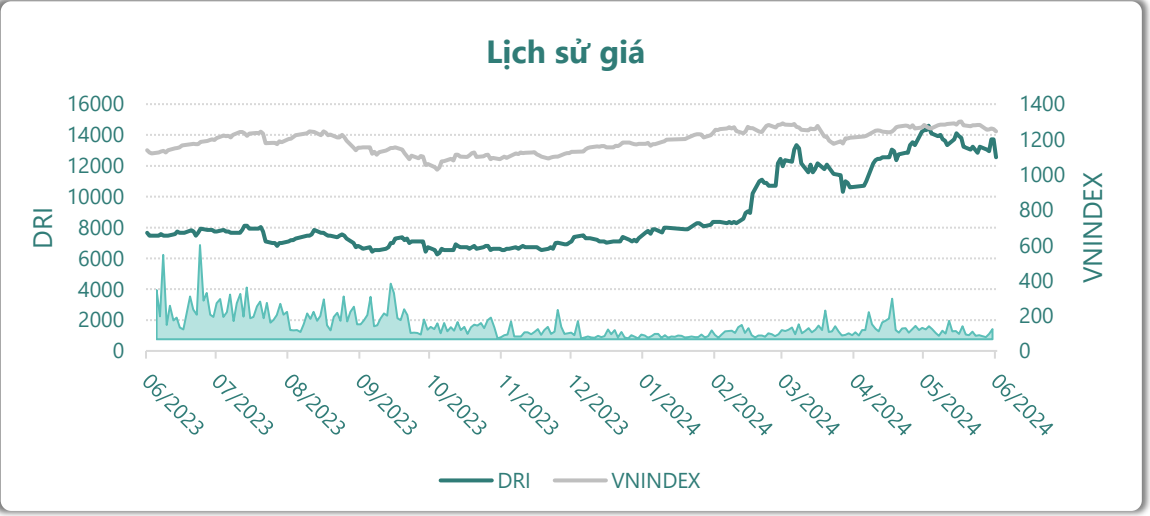
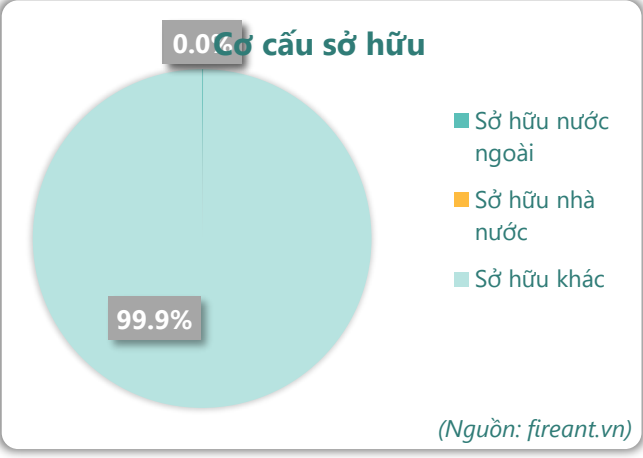
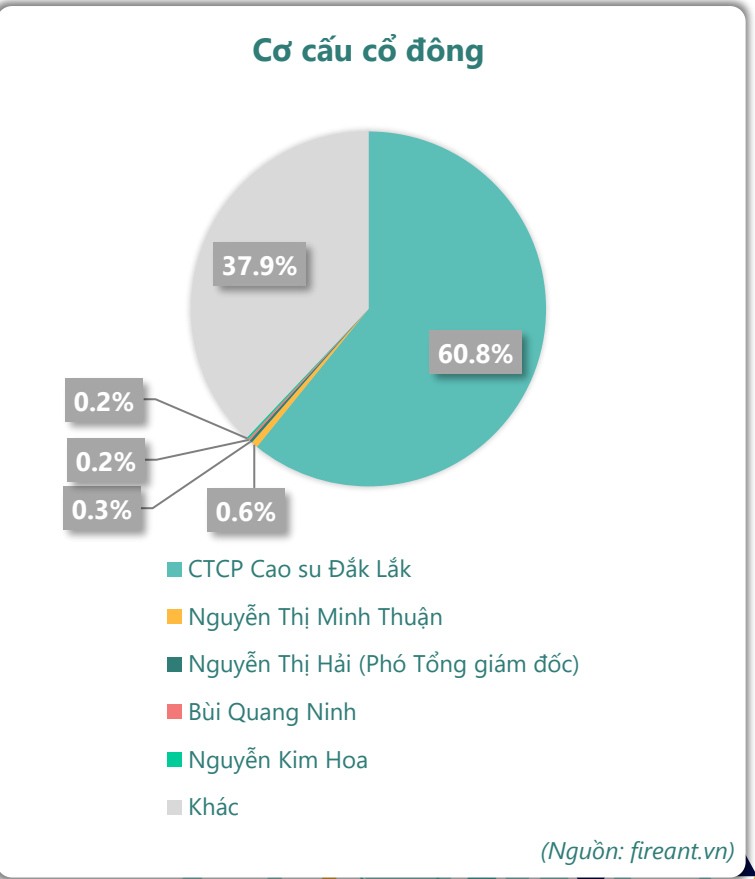
ROE (TTM) Q2/24
14.2%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,258 - 14,602
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	944
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,458,270
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.35
EPS	998
P/E	12.9

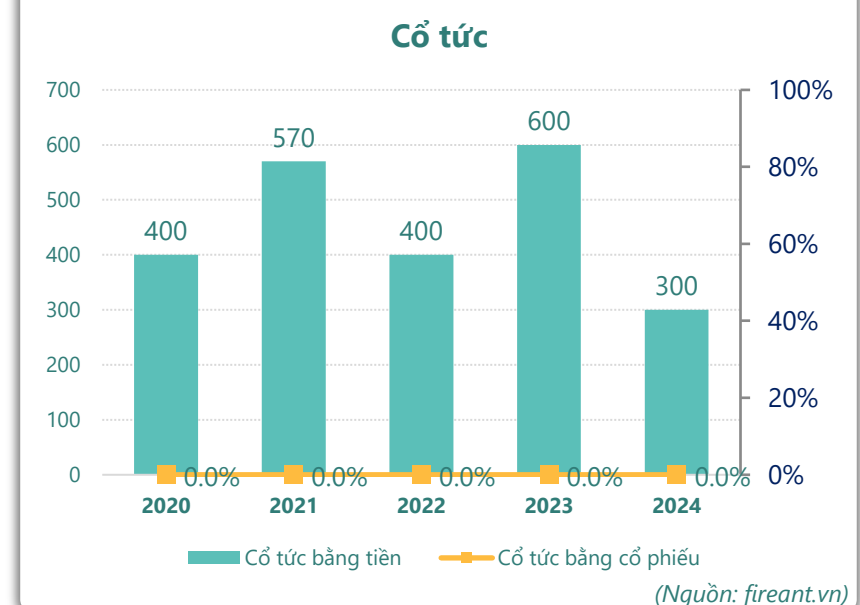
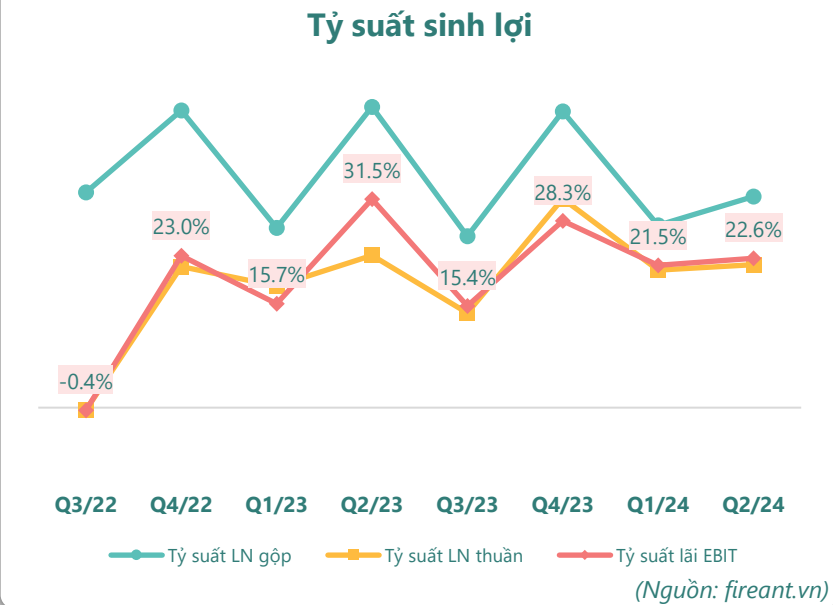
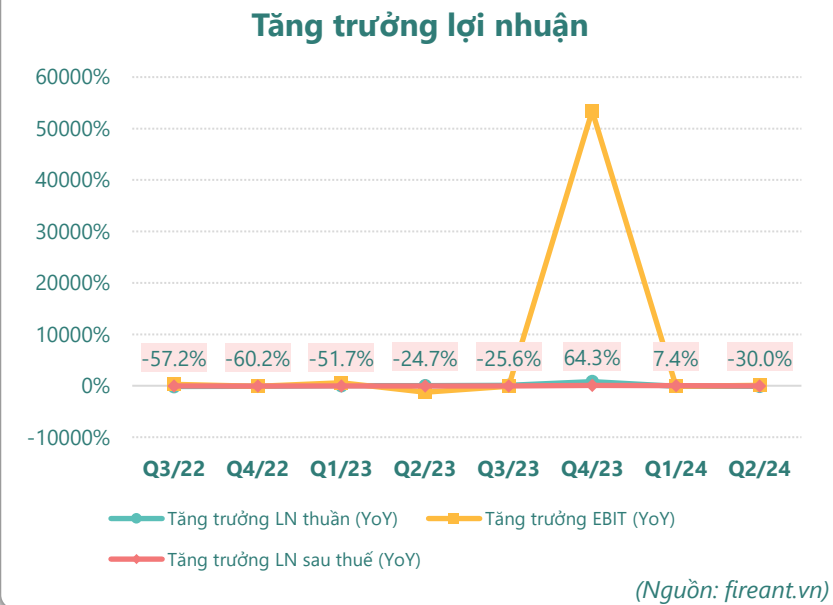
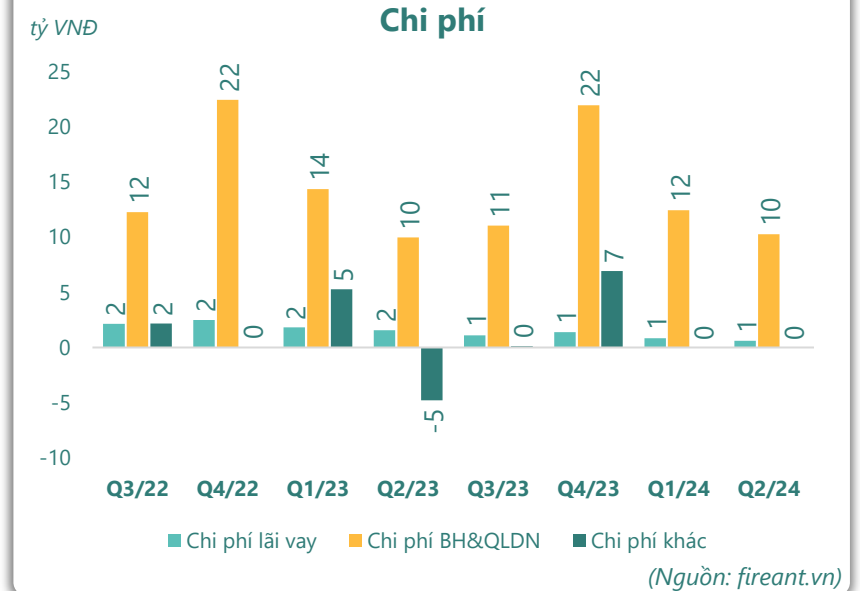
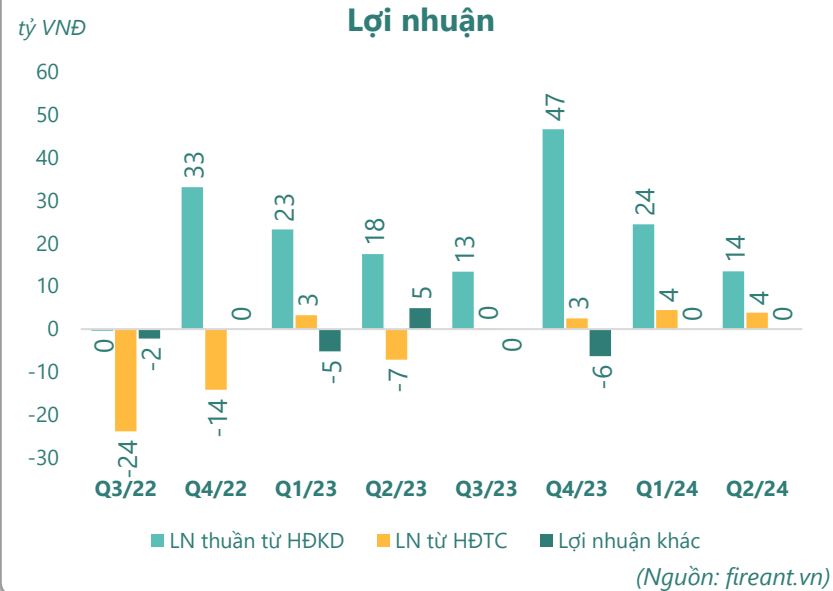
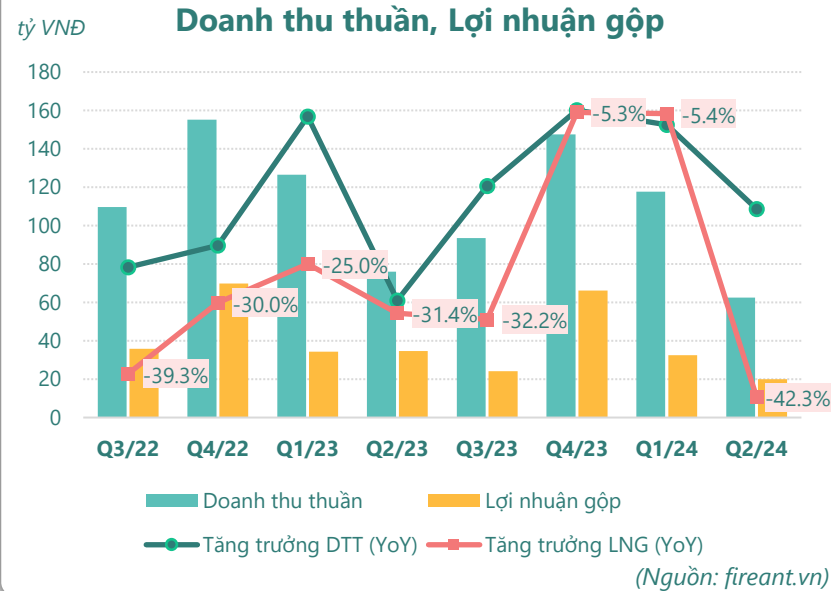
DT thuần 6T 2024
180
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0 -11.0%

LN thuần 6T 2024
38.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.70 -6.7%

LN sau thuế 6T 2024
30.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.10 -3.4%



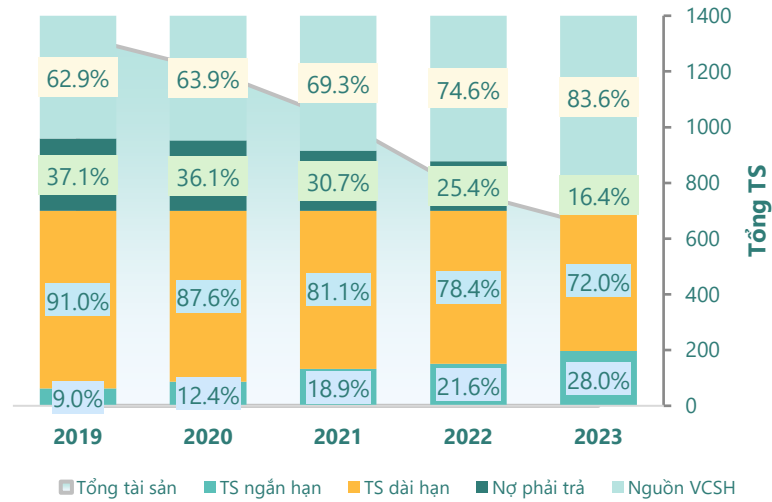
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

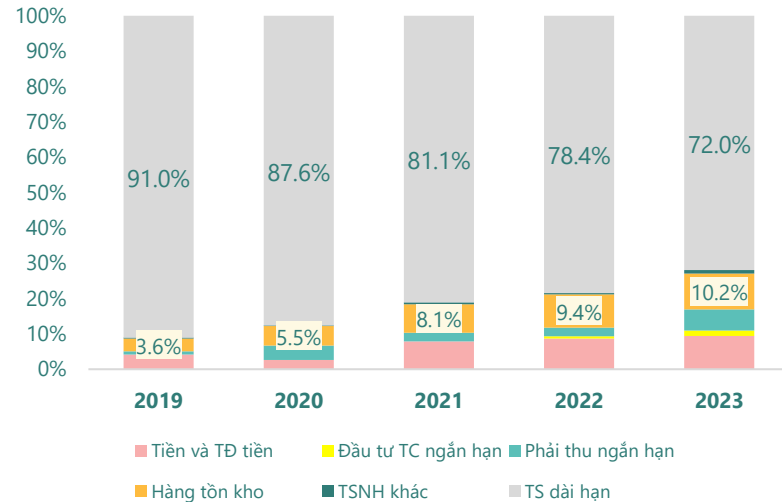
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

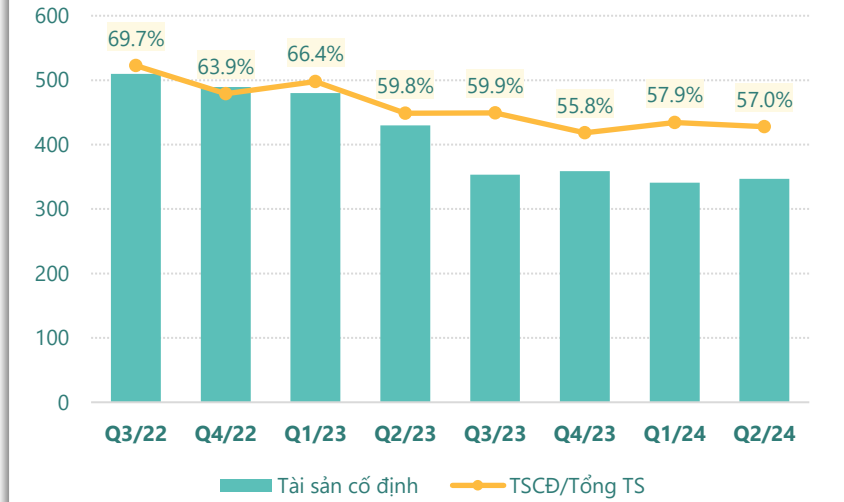
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

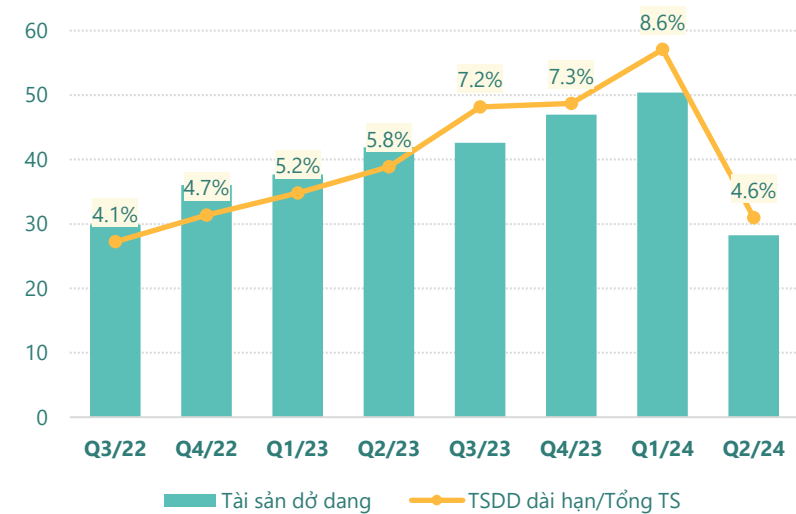
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

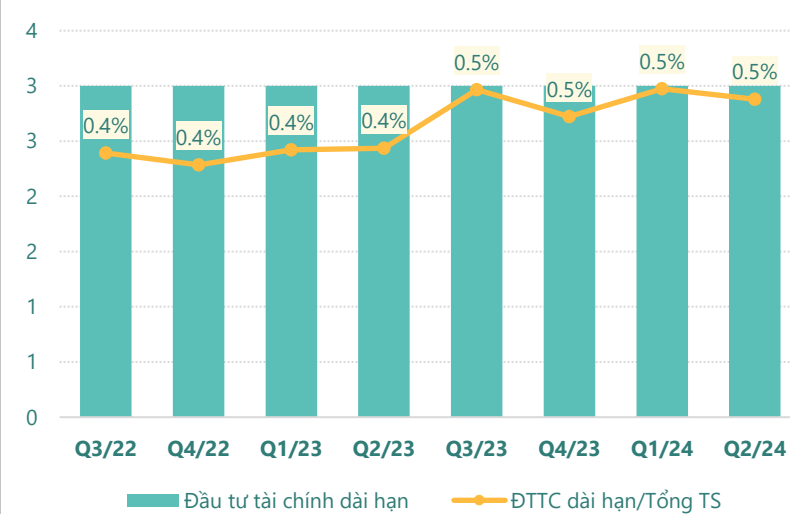
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

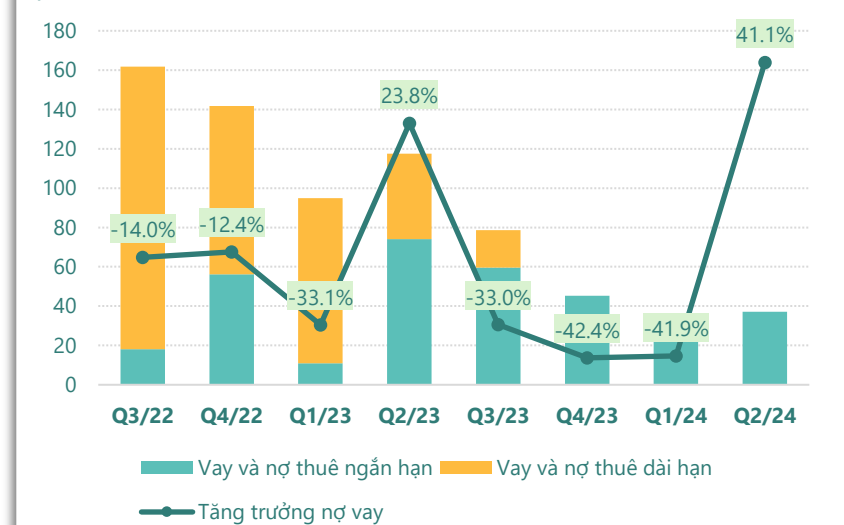
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

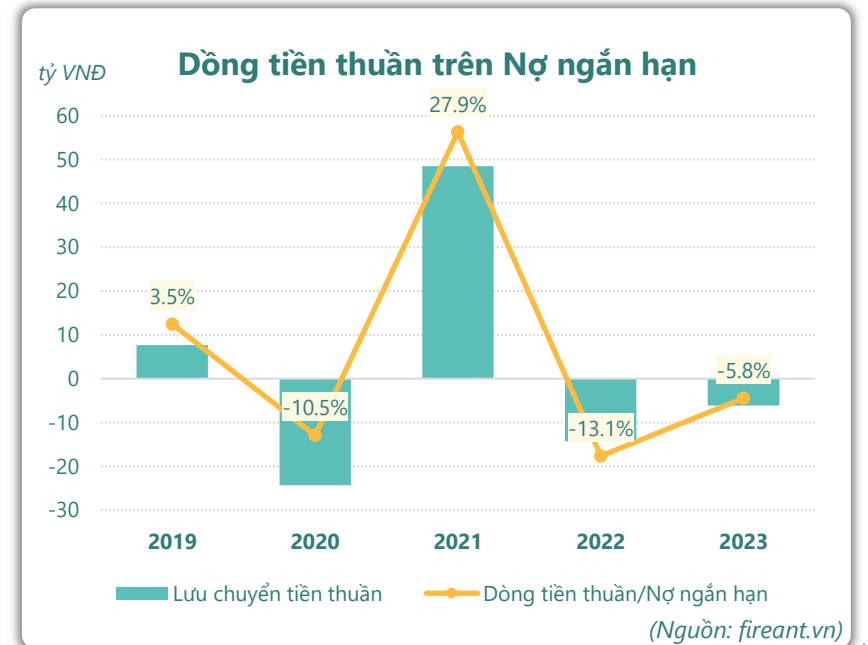
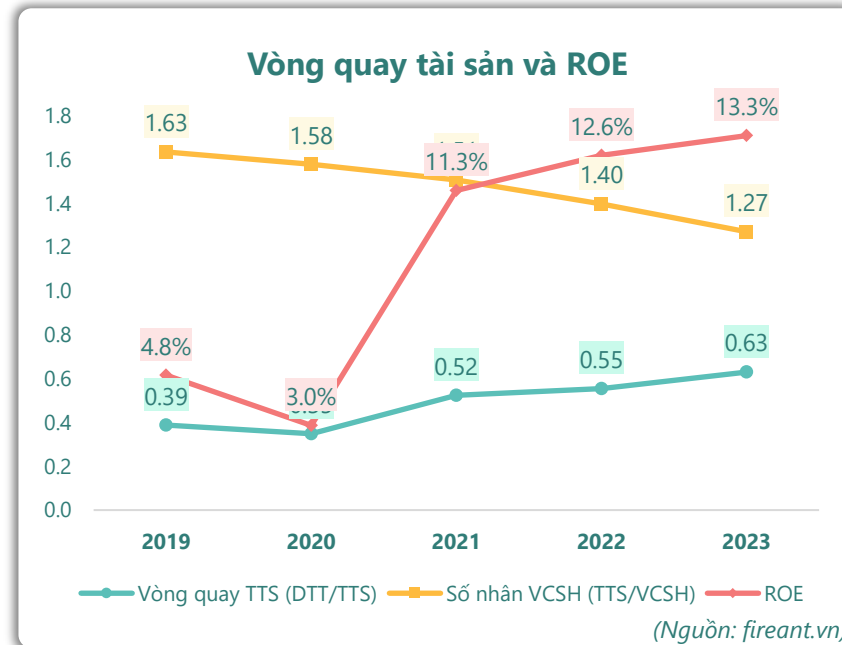
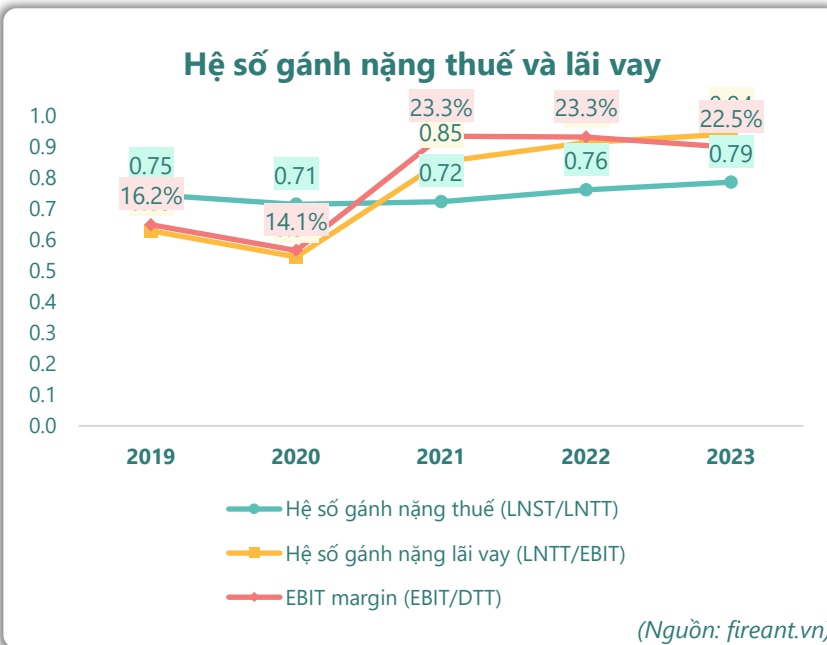
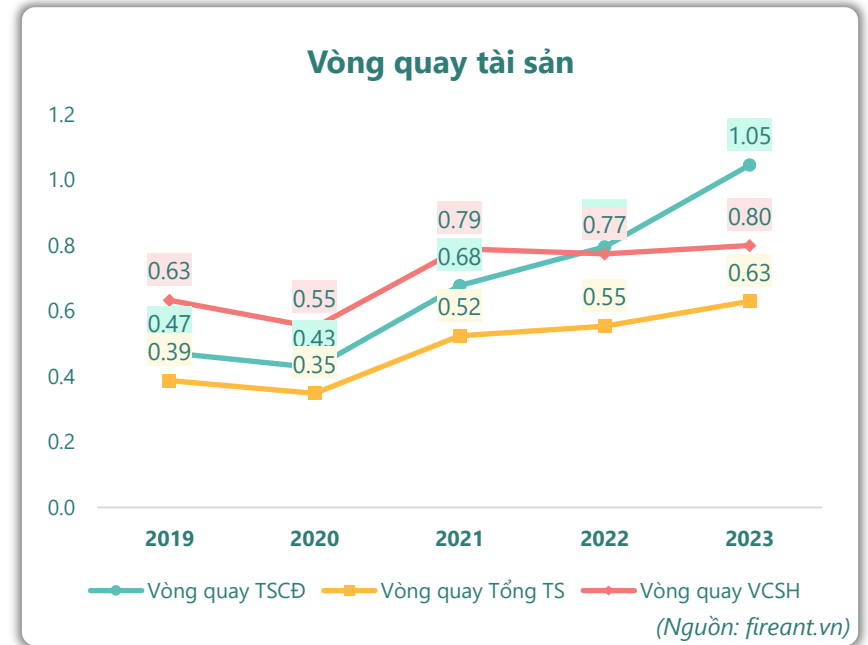
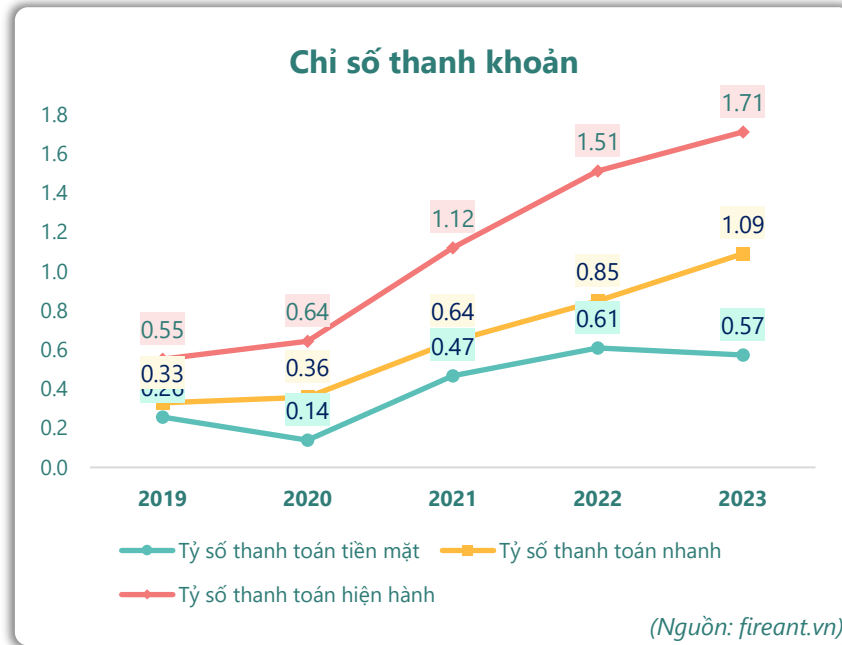
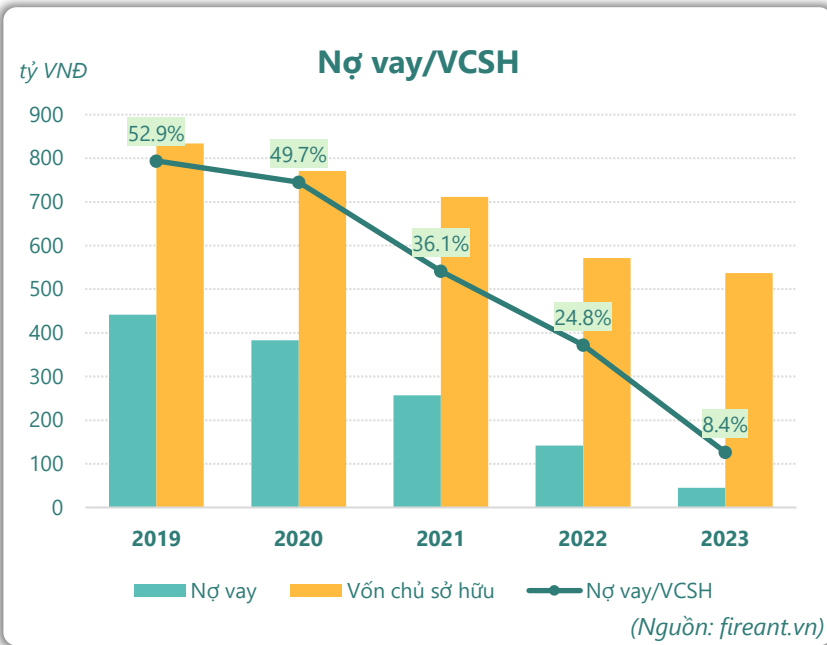
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.5	76.0	-17.8%	180	203	-11.0%
Giá vốn hàng bán	42.5	41.4	2.7%	128	134	-4.3%
Lợi nhuận gộp	20.0	34.6	-42.3%	52.5	69.0	-23.9%
Doanh thu HĐTC	5.04	1.76	187%	10.4	7.62	36.5%
Chi phí TC	1.19	8.86	-86.5%	2.12	11.5	-81.6%
Chi phí lãi vay	0.61	1.56	-60.8%	1.45	3.38	-57.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.74	5.51	-14.0%	12.4	14.6	-14.9%
Chi phí QLDN	5.55	4.47	24.2%	10.4	9.78	5.8%
LN thuần từ HĐKD	13.5	17.5	-22.8%	38.0	40.7	-6.7%
Lợi nhuận khác	0	4.91	-100%	0	-0.27	100%
LN trước thuế	13.5	22.4	-39.7%	38.0	40.5	-6.1%
Lợi nhuận sau thuế	9.68	16.9	-42.7%	30.6	31.7	-3.4%
LNST của CĐ cty mẹ	9.72	17.0	-42.8%	30.7	31.8	-3.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.2	-51.0	52.8	77.3	17.3	3.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.5	0.10	-2.42	-6.96	-12.8	-8.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.5	24.9	-42.2	-37.6	-35.7	8.31
Tiền đầu kỳ	66.6	50.8	24.9	29.4	60.3	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	-15.8	-26.0	8.13	32.7	-31.3	2.95
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.11	-3.62	-1.74	-0.62	-0.40
Tiền cuối kỳ	50.8	24.9	29.4	60.3	28.4	31.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	608	642	-5.3%
Tài sản ngắn hạn	180	180	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	31.0	60.3	-48.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	54.0	38.3	40.9%
Hàng tồn kho	80.3	65.4	22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.56	6.10	-25.3%
Tài sản dài hạn	428	462	-7.4%
Phải thu dài hạn	40.0	43.0	-7.0%
Tài sản cố định	347	359	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.3	46.6	-39.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	10.4	11.2	-7.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	115	105	9.7%
Nợ ngắn hạn	115	105	9.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.2	45.3	-18.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	1.72	1112%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	493	537	-8.3%
Vốn chủ sở hữu	493	537	-8.3%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

